

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/DS-ST**

Ngày: 31-3-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH Y**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Trung Lợi.

2. Ông Hà Công Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Tỉnh Y tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST - DS, ngày 14-10-2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX ST- DS ngày 20-02-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 10-3-2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 26/2023/TB-TA ngày 14-3-2023, giữa:

- Nguyên đơn:

+ Ông Hoàng Minh Kh, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “*Có mặt*”.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “*Vắng mặt*”.

+ Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “*Vắng mặt*”.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ xx, phường CT, thị xã NL, Tỉnh Y; “*Vắng mặt*”.

Bà Bùi Thị L, Bà Hoàng Thị Ph và bà Hoàng Thị H ủy quyền cho Ông Hoàng Minh Kh tham gia tố tụng.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1993 và bà Hà Thị Ng, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “*Ông V và bà Nguyệt vắng mặt không có lý do*”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1964; Bà Phan Thị H1, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “Ông H và bà H1 vắng mặt không có lý do”.

Những người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “Vắng mặt”

+ Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “Vắng mặt”

+ Ông Nguyễn Duy Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “Vắng mặt”

+ Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Nậm Pươi, xã NB, huyện V, Tỉnh Y; “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Gia đình nguyên đơn có thửa đất sử dụng từ năm 1992 đến năm 2000 được nhà nước cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00167 QSDĐ/87 QD UBH cấp ngày 07/08/2000 mang tên ông Hoàng Minh Nh với diện tích 400m² đất màu đồi, hiện tại ông Hoàng Minh Nh đã chết. Lúc chết không để lại di chúc. Đến năm 2003 nhà nước mở rộng đường Quốc lộ giao thông lấy đi khoảng 3m chiều sâu dọc dãy đất. Phần đất còn lại phần lớn nằm vào đất quy hoạch hành lang giao thông, đến ngày 09/12/2019 Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu gia đình nguyên đơn phải chặt bỏ cây cối để gia đình ông H mở lối đi trên phần đất đó. Theo bản án số 03/2020/DS-ST ngày 30/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện V và bản án số 14/2020/DS-PT ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông H bà H1. Các Bản án nêu trên đã xác định cụ thể diện tích đất của gia đình nguyên đơn giáp với phần đất phía trước của gia đình ông H là 171,6m².

Đến ngày 09/05/2021, gia đình bị đơn Nguyễn Hữu V và Hà Thị Ng là con trai và con dâu Ông Nguyễn Hữu H bà Phan Thị H1 lần chiếm một phần diện tích đất nêu trên, nguyên đơn đã làm đơn đề nghị UBND xã NB xuống đóng lại mốc giới theo bản án của Tòa án nhân dân Tỉnh Y. Nhưng gia đình ông V bà Nguyệt không cho cán bộ địa chính xã đo để cắm lại mốc giới, không chấp nhận các Bản án nêu trên.

- Tháng 8/2021 UBND huyện V thành lập đoàn thanh tra để giải quyết việc tranh chấp, đã đo đạc thực địa thống nhất phần diện tích đất gia đình ông V bà Nguyệt đang lần chiếm của gia đình nguyên đơn cụ thể là 11,1 m² nhưng ông V bà Nguyệt không chấp nhận việc giải quyết của UBND huyện V.

Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý giải quyết vụ án, trong quá trình Tòa án giải quyết, gia đình ông V bà Nguyệt, ông H và bà H1 không chấp hành đã đào rãnh thoát nước, đổ bê tông làm đường lấn vào phần đất của gia đình nguyên đơn.

Ngày 04/01/2023, Tòa án nhân dân huyện V đã tiến hành xem xét thẩm định và đo đạc, diện tích đất gia đình ông Nguyễn Hữu V, bà Hà Thị Ng lần chiếm của gia đình nguyên đơn là 11,2m² đất.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết: Buộc gia đình ông Nguyễn Hữu V, bà Hà Thị Ng trả lại phần đất đã lần chiếm là 11,2 m² đất tại Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y, và yêu cầu gia đình ông V bà Nguyệt, ông H bà H1, trả lại nguyên hiện trạng đất cho gia đình nguyên đơn như ban đầu, cụ thể: Cây bỏ rãnh nước, cây bỏ phần bê tông đã xây dựng trên phần đất lần chiếm của nguyên đơn.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã nộp các chứng cứ gồm:

- + Giấy uỷ quyền
- + Bản sao chứng thực biên bản hoà giải vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14/3/2022 tại trụ sở UBND xã NB
- + Bản sao chứng thực biên bản hoà giải vào hồi 14 giờ 10 phút, ngày 07/3/2022 tại trụ sở UBND xã NB
- + Công văn số 1128/UBND-NC ngày 21/10/2021 v/v trả lời đơn của Ông Hoàng Minh Kh, Thôn CH, xã NB
- + Biên bản làm việc ngày 25/8/2021 tại trụ sở UBND xã NB, huyện V, Tỉnh Y của Tổ công tác UBND huyện V theo Quyết định số 2715 ngày 9/8/2021 của UBND huyện
- + Biên bản làm việc ngày 18/8/2021 tại trụ sở UBND xã NB, huyện V, Tỉnh Y của cơ quan Kiểm tra, Thanh tra huyện V
- + Bản phôi biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của TAND huyện V + Bản sao chứng thực Sơ đồ thửa đất đang tranh chấp
- + Bản sao chứng thực Biên bản làm việc v/v giải quyết tranh chấp đất đai ngày 04/8/2015
- + Bản sao chứng thực sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Hoàng Minh Kh
- + Biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở vào hồi 14 giờ 00 ngày 09/10/2020 tại Thôn CH
- + Bản sao chứng thực báo cáo số 23/BC-UBND ngày 06/10/2020 của UBND xã NB
- + Bản sao chứng thực Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn B ngày 25/9/2020,
- + Bản sao chứng thực Giấy xác nhận của ông Đặng Kim Hưng ngày 17/9/2020,
- + Bản sao chứng thực Bản án số 14/2020/DS-PT ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Y.
- + Bản sao chứng thực Bản án số 03/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện V.
- + Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp ngày 07/8/2000 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167QSDĐ/87QĐUBH mang tên hộ ông Hoàng Minh Nh.

Bị đơn Nguyễn Hữu V và Hà Thị Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu Hồng và vợ là Phan Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án không nộp bản tự khai, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Phạm Xuân C: Đất của gia đình ông H bà H1 mua lại của ông Nguyễn Văn C (phần đất này là đất trồng chè, không phải đất thổ cư, có 1 phía tiếp giáp với đường lô, 01 phía giáp với đất nhà Ông Kh). Việc mua bán trao đổi từ khoảng năm 2003. Sau này ông H đã tách một phần đất cho ông Nguyễn Hữu V và Bà Hà Thị Ng, một phần được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ cư; còn lại là đất màu trồng chè có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không ông C không biết. Phần diện tích đất theo như đơn đề nghị của Ông Hoàng Minh Kh thì đất tranh chấp gia đình Ông Kh có nguồn gốc là ông Hoàng Minh Nh là bố đẻ Ông Hoàng Minh Kh mua lại của ông Trần Văn Đ (hay gọi là Đ tồ, ông Đ đã chuyển về Thái Bình từ lâu).

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày: Đất của gia đình ông H bà H1 trước đây là của gia đình ông Bắc trồng chè, gia đình ông Bắc làm từ lâu; đất từ mép đường quốc lộ đến giáp khu chè là của ông Trần Văn Đức (hay gọi là Đức tồ); Năm 1992 ông Đức chuyển về quê chuyển nhượng toàn bộ cho ông Hoàng Minh Nh (bố đẻ Ông Hoàng Minh Kh, hiện nay ông Nh đã chết); gia đình ông Nh có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000. Còn phần đất của ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng đang sử dụng là một phần đất của ông H tách thừa cho ông V và bà Ng.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Đinh Văn Q: Khoảng năm 2016 - 2017 ông Q có bán và đổi cho Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 tổng diện tích là 87,5m² có các hướng giáp ranh cụ thể: Phía bắc giáp phần đất nhà bà Trần Phương Lan sâu 25m; phía nam giáp với đất hộ ông Nguyễn Hữu V bà Hà Thị Ng rộng khoảng 20m, giáp phần đất hộ ông Hoàng Minh Nh rộng khoảng 05m; phía tây giáp mặt đường quốc lộ 32 rộng 3,5m; phía đông giáp phần đất của hộ gia đình ông Cương hiện nay đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1. Toàn bộ diện tích 87,5m² đất khi chuyển nhượng cho ông H và bà H1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn Th trình bày: Diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Minh Nhưng có nguồn gốc mua của ông Đức từ năm 1992. Đến năm 2002, ông Th và ông Nh thỏa thuận đổi đất ông Th nhường ông Nh phần đất đồi chè phía sau, nguồn gốc đồi chè ông Th mua của bà Mừng (mua 04m vào sâu bên trong) ông Th lấy 12m chiều rộng mặt đường kéo dài đến giáp nhà văn hóa thôn Văn Hưng, gia đình đã đổi không có tranh chấp gì.

Qua xác minh cán bộ địa chính xã NB cung cấp nội dung như sau: Diện tích đất tranh chấp 11,2m² là một phần trong diện tích đất gia đình nguyên đơn Hoàng Minh Kh sử dụng từ năm 1992, đất có nguồn gốc do bố đẻ Ông Kh là ông Hoàng Minh Nh nhận chuyển nhượng lại của ông Trần Văn Đức, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất năm 2000 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167QSDĐ/87QĐUBH mang tên hộ ông Hoàng Minh Nh.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Tổng diện tích đất gia đình Ông Hoàng Minh Kh đang sử dụng giáp phần đất hộ gia đình Ông Nguyễn Hữu H và ông Nguyễn Hữu V chưa tính phần đất tranh chấp là 159,7 m², có các hướng giáp ranh như sau: Hướng tây giáp với mặt đường Quốc lộ 32 đường Mù Cang Chải - Nghĩa Lộ, dài 32,1m; hướng nam liền phần đất gia đình Hoàng Minh Kh đang sử dụng 5,5 m; hướng bắc giáp với phần đất đường vào tranh chấp rộng 4,5m; hướng đông giáp với phần đất nhà Ông Nguyễn Hữu H dài 8,5m, giáp phần đất Nguyễn Hữu V rộng 23,4m. Diện tích là 159,7m

Diện tích đất tranh chấp có các hướng giáp ranh như sau: Hướng tây giáp với mặt đường Quốc lộ 32 đường Mù Cang Chải - Nghĩa Lộ, 2,4m; hướng nam liền phần đất gia đình Hoàng Minh Kh đang sử dụng 4,5 m; hướng bắc giáp với phần đất đường vào đất nhà Ông Nguyễn Hữu H rộng 4,5m; hướng đông giáp với phần đất nhà ông Nguyễn Hữu V rộng 2,6m. Diện tích đất tranh chấp là **11,2 m²**.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra, giao nộp tiếp cận và công khai chứng cứ nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn Hoàng Minh Kh đã nộp và chi phí hết **6.582.000** đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ông Hoàng Minh Kh, bà Bùi Thị L, Bà Hoàng Thị Ph và bà Hoàng Thị H là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 157, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Minh Kh và các đồng nguyên đơn, Buộc bị đơn Nguyễn Hữu V và Hà Thị Ng phá bỏ rãnh nước và phần bê tông đổ trên đất tranh chấp, khôi phục tình trạng ban đầu, trả lại diện tích 11,2m² đất tại Thôn CH, xã NB, huyện V cho gia đình nguyên đơn Hoàng Minh Kh.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc tổng cộng hết **6.582.000** đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn Hoàng Minh Kh đã nộp, do yêu

cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự khoản tiền chi phí tố tụng này buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền **6.582.000** đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp đất đai các đương sự đều có nơi cư trú và tài sản tranh chấp tại Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y quy định tại khoản 09 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, Tỉnh Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa các bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu H bà Phan Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Các nguyên đơn bà Bùi Thị L, Bà Hoàng Thị Ph và bà Hoàng Thị H vắng mặt có đã có giấy ủy quyền cho Ông Hoàng Minh Kh. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các nguyên đơn bà Bùi Thị L, Bà Hoàng Thị Ph và bà Hoàng Thị H; bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu H bà Phan Thị H1.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ông Hoàng Minh Kh và các đồng nguyên đơn bà Bùi Thị L. Bà Hoàng Thị Ph và bà Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y trả lại diện tích 11,2 m² đất hành lang giao thông, giáp đường Quốc lộ 32 tại Thôn CH, xã NB, huyện V, và yêu cầu ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng khôi phục tình trạng ban đầu của thửa đất.

Xét thấy: Gia đình nguyên đơn Hoàng Minh Kh cụ thể là ông Hoàng Minh Nh vào năm 1992 nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Đức (hay gọi là Đức tồ); diện tích đất tại Thôn CH, xã NB, huyện V, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000 là đất màu đồi, gia đình sử dụng ổn định từ năm 1992 đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp với Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1. Năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết tranh chấp cụ thể ông H, bà H1 yêu cầu gia đình Ông Hoàng Minh Kh về quyền mở lối đi qua. Tòa án huyện V đã giải quyết bằng bản

án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST Ngày: 30-9-2020, và bản án phúc thẩm số 14/2020/DS-PT ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1.

Phần đất của bị đơn Nguyễn Hữu V, Hà Thị Ng có nguồn gốc là đất trồng chè năm 2003 Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Cáp, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 949050 ngày 12/02/2015 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01382 ghi tên Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị Hoài diện tích 1.080 m² đất trồng cây lâu năm tại Thôn CH, xã NB, huyện V. Đến tháng 8 năm 2015 UBND xã đã giải quyết việc tranh chấp giữa gia đình nguyên đơn với gia đình bị đơn tuy nhiên khi đang tranh chấp ông H và bà H1 làm thủ tục tặng cho diện tích đất này cho con là bà Hà Thị Ng và ông Nguyễn Hữu V, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng vào ngày 18/8/2015, Giấy chứng nhận QSD đất số BV949604 ngày 05/11/2015 vào sổ cấp GCN: CH 01398 với diện tích 1.080 m².

Như vậy biên bản thẩm định của Tòa án và đo đạc ngày 04/01.2023 của Công ty Cổ phần đo đạc Bản đồ Quân Tiên, tổng diện tích đất gia đình nguyên đơn đang sử dụng giáp phần đất gia đình ông Nguyễn Hữu V và gia đình Ông Nguyễn Hữu H là 159,7 m² cộng với phần đất tranh chấp là 11,2m² là phù hợp với diện tích đất gia đình nguyên đơn sử dụng đã được Tòa án giải quyết vào năm 2020. Phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Từ nhận định trên HĐXX thấy rằng diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình nguyên đơn cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các đồng bị đơn phải phá bỏ rãnh nước và phần bê tông đổ trên đất khôi phục tình trạng ban đầu trả lại thửa đất 11,2m² cho nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc tổng cộng hết **6.582.000** đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng). Nguyên đơn Hoàng Minh Kh đã nộp, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự khoản tiền chi phí tố tụng này buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền **6.582.000** đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của BLTTDS.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 164, Điều 166 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 157, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng phải phá bỏ cống thoát nước và phần đổ bê tông trên đất lấn chiếm, giải phóng mặt bằng, trả lại cho gia đình Ông Hoàng Minh Kh phần đất đã lấn chiếm là 11,2 m² tại Thôn CH, xã NB, huyện V, Tỉnh Y, có tọa độ như sau:

Điểm	Tọa độ		Ghi chú
	X (M)	Y (M)	
1	2403897.13	461009.89	Góc khu đất
2	2403895.80	461014.19	Góc khu đất
3	2403893.42	461013.15	Góc khu đất
4	2403871.68	461004.66	Góc khu đất

2. Chi phí thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các đồng bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng phải liên đới hoàn trả cho Ông Hoàng Minh Kh chi phí thẩm định tại chỗ là **6.582.000** đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

*Kể từ ngày Ông Hoàng Minh Kh có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng chậm thi hành khoản tiền **6.582.000** đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng) trên thì ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu V và bà Hà Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Minh Kh không phải chịu án phí được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0002682 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V Tỉnh Y.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Y;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã NB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Trần Thành Long**